

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Mai Phú

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 599/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Huyền T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 3/2 Ngô Quyền, Phường G, thành phố Đ, tỉnh L. *Có mặt tại phiên tòa.*

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn K, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 3/2 Ngô Quyền, Phường G, thành phố Đ, tỉnh L. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T trình bày: Tôi và anh Phạm Văn K kết hôn năm 2014, có Đ ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện H, tỉnh L hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: Số 3/2, đường Ngô Quyền, Phường G, thành phố Đ, tỉnh L, cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn gì, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, chồng tôi thường xuyên vắng nhà, coi thường và so sánh chê bai vợ, Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh K vẫn không thay đổi, vợ chồng tôi đã ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân tôi và anh K đã có tìm hiểu khắc phục những mâu thuẫn nhưng

không thành. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với anh K, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Trần Minh Kh, sinh ngày 19/09/2015 và cháu Phạm Quang Đ, sinh ngày 08/5/2020. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000^d/tháng/02con (mỗi con chung 2.000.000^d/tháng).

- Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, anh Phạm Văn K: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết văn bản tố tụng nhiều lần để anh K thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh K vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung khởi kiện của chị Trần Thị Huyền T đối với yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và giải quyết về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung với anh.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn K. Đồng thời giao 02 con chung là cháu Phạm Trần Minh Kh, sinh ngày 19/09/2015 và cháu Phạm Quang Đ, sinh ngày 08/5/2020 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, chị T yêu cầu anh Phạm Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000^d/tháng/02con. Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn là anh Phạm Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị 4.000.000^d/tháng/02con đối với anh Phạm Văn K. Giao con chung là 02 con chung là cháu Phạm Trần Minh Kh, sinh ngày 19/09/2015 và cháu Phạm Quang Đ, sinh ngày 08/5/2020 cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh Phạm Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 4.000.000^d/tháng/02 con (mỗi con chung 2.000.000^d/tháng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T có mặt; Bị đơn anh Phạm Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nên chị Trần Thị Huyền T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi dưỡng con chung của chị với chồng là anh Phạm Văn K, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 3/2, đường Ngô Quyền, Phường G, thành phố Đ, tỉnh L. Do vậy xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*”, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Huyền T thì thấy:*

Chị Trần Thị Huyền T và anh Phạm Văn K Đ ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/12/201. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp.

Theo chị Trần Thị Huyền T bày thì: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 3/2, đường Ngô Quyền, Phường G, thành phố Đ, tỉnh L. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn gì, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, chồng tôi thường xuyên vắng nhà, coi thường và so sánh chê bai vợ. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh K vẫn không thay đổi, vợ chồng tôi đã ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân tôi và anh K đã có tìm hiểu khắc phục những mâu thuẫn nhưng không thành. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với ông K, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh K.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị T và anh K. Song do Ủy ban nhân dân phường 6 chưa từng nhận được đơn yêu cầu hòa giải mâu thuẫn trong hôn nhân giữa vợ chồng chị T và anh K nên chính quyền địa phương không thể cung cấp thông tin.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn K: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng (*thanh qua dịch vụ bưu chính, thừa phát lại*) cho anh K theo địa chỉ cư trú hiện tại là: : Số 3/2, đường Ngô Quyền, Phường G, thành phố Đ, tỉnh L để anh K thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa, anh K không có mặt làm việc và cũng không có văn bản phản hồi cho Tòa án trình bày ý

kiến về nội dung khởi kiện của chị T đối với yêu cầu giải quyết việc ly hôn và giải quyết người nuôi dưỡng con chung. Qua đó cho thấy, anh K không quan tâm, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chị T xây dựng hạnh phúc gia đình nên có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huyền T với anh Phạm Văn K.

[4] *Về con chung*: vợ chồng chị Trần Thị Huyền T và anh Phạm Văn K có 02 con chung là cháu Phạm Trần Minh Kh, sinh ngày 19/09/2015 và cháu Phạm Quang Đ, sinh ngày 08/5/2020, hiện tại con chung đang sống cùng vợ chồng tại Hẻm 95 Cao Thắng, phường 7, thành phố Đà Lạt. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000^d/tháng/02con (mỗi con chung 2.000.000^d/tháng).

Để đảm bảo tính ổn định trong sinh hoạt cũng như quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Phạm Trần Minh Kh và cháu Phạm Quang Đ cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật, anh Phạm Văn K có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc đi lại thăm nuôi của người không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân gia và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác định vợ chồng chị không có tài sản chung, có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] *Về án phí*: chị Trần Thị Huyền T phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về áp dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu “*Ly hôn*” của chị Trần Thị Huyền T, chị Trần Thị Huyền T được ly hôn với anh Phạm Văn K.

2- Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Trần Minh Kh, sinh ngày 19/09/2015 và cháu Phạm Quang Đ, sinh ngày 08/5/2020 cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh và cháu Đ đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật, anh Phạm Văn K có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 4.000.000^d/tháng/02con (mỗi con chung 2.000.000^d/tháng).

Việc đi lại thăm nuôi của người không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân gia và gia đình.

3- Về án phí: chị Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002219 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Phạm Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết canh khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND thị trấn Nam Ban;
- Các đương sự;
- Lưu AV-HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Bình